

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Giao thông Vận tải**; Chuyên ngành: **Xây dựng Đường bộ**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: CHU TIẾN DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 19/05/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Thái Hoà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hoàng 22, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Đường bộ, khoa Công trình, trường Đại học Giao thông vận tải, số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912777219; E-mail: dungchu@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Cơ quan	Công việc/chức vụ
6/2002 – 6/2004	Bộ môn Đường bộ, khoa Công Trình, Trường ĐH GTVT	Trợ giảng/Tập sự
7/2004 – 9/2010	Bộ môn Đường bộ, khoa Công Trình, Trường ĐH GTVT	Giảng viên
10/2010 – 9/2014	Khoa Công trình, Trường Kỹ thuật Sau đại học, Đại học Nagoya, Nhật Bản.	Nghiên cứu sinh
10/2014 – 7/2016	Khoa Công trình, Trường Kỹ thuật Sau đại học, Đại học Nagoya, Nhật Bản.	Nghiên cứu sau tiến sĩ
8/2016 – nay	Bộ môn Đường bộ, khoa Công Trình, Trường ĐH GTVT	Giảng viên

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Giao thông vận tải**

Địa chỉ cơ quan: số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437663311.

8. Đã nghỉ hưu: Ứng viên chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2002; số văn bằng: B411720; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Đường bộ; Nơi cấp bằng ĐH: trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 05 năm 2007; số văn bằng: A0029376; ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; chuyên ngành: Xây dựng Đường ô tô và Đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS: trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 09 năm 2014; số văn bằng: 2758; ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình; chuyên ngành: Kỹ thuật giao thông Đường bộ; Nơi cấp bằng TS: Đại học Nagoya, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Ứng viên chưa được bổ nhiệm PGS.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(i) Hướng nghiên cứu 1: *Nghiên cứu các giải pháp quản lý, thiết kế và tổ chức giao thông đường bộ.*

(ii) Hướng nghiên cứu 2: *Nghiên cứu các công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong xây dựng nền, mặt đường bộ.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **11** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **02** đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó có 01 đề tài cấp cơ sở trọng điểm);

- Đã công bố **34** bài báo khoa học, trong đó có **03** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Trong thời gian tham gia giảng dạy ở trường Đại học Giao thông vận tải từ 6/2002 đến nay (không tính thời gian làm NCS và nghiên cứu sau TS tại Nhật Bản từ 10/2010 đến 7/2016), ứng viên thường xuyên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, giấy khen của hiệu trưởng và bằng khen của bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bằng khen Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm liên tục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018 (theo QĐ số 4759/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2018).

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học:

- 2016-2017 (QĐ số 1609/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/08/2017);
 - 2017-2018 (QĐ số 1669/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/08/2018);
 - 2021-2022 (QĐ số 1764/QĐ-ĐH GTVT ngày 19/09/2022);
- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và Giấy khen hiệu trưởng các năm học:
- 2018-2019 (QĐ số 1785/QĐ-ĐH GTVT ngày 27/08/2019);
 - 2019-2020 (QĐ số 1651/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/10/2020);
 - 2020-2021 (QĐ số 1901/QĐ-ĐH GTVT ngày 21/10/2021).
- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong các năm học:
- 2003-2004 (QĐ số 878/QĐ-CTCT&SV ngày 24/08/2004);
 - 2004-2005 (QĐ số 1171/QĐ-CTCT&SV ngày 30/08/2005);
 - 2005-2006 (QĐ số 1381/QĐ-CTCT&SV ngày 18/09/2006);
 - 2006-2007 (QĐ số 1112/QĐ-CTCT&SV ngày 28/08/2007);
 - 2007-2008 (QĐ số 1334/QĐ-CTCT&SV ngày 08/09/2008);
 - 2008-2009 (QĐ số 2040/QĐ-CTCT&SV ngày 15/09/2009);
 - 2009-2010 (QĐ số 1462/QĐ-CTCT&SV ngày 31/08/2010).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên là nhà giáo có thâm niên giảng dạy đại học 13 năm (không tính thời gian 02 năm trợ giảng và tập sự từ 6/2002 – 6/2004, 06 năm làm học tập và nghiên cứu tại đại học Nagoya từ 10/2010 – 7/2016). Ứng viên đã giảng dạy nhiều thế hệ sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, chuyên ngành xây dựng Đường bộ và Cầu - Đường bộ tại khoa Công trình và khoa Đào tạo quốc tế, trường Đại học Giao thông vận tải. Từ tháng 8/2016, ứng viên bắt đầu tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ cho ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; chuyên ngành: Xây dựng Đường ô tô và Đường thành phố. Nhiều sinh viên và học viên cao học mà ứng viên giảng dạy và hướng dẫn sau khi tốt nghiệp đã được công ty, viện nghiên cứu trong ngành Giao thông vận tải trong và ngoài nước đánh giá cao. Một số sinh viên, học viên đã trở thành giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia của các trường đại học và ngành Giao thông vận tải và họ có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ, hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giao thông vận tải nói chung và lĩnh vực Đường bộ nói riêng. Ứng viên cũng liên tục tự trau dồi kiến thức và tham gia vào công tác thiết kế, thi công và thẩm tra các dự án trọng điểm của ngành Giao thông vận tải để mở rộng thêm kiến thức chuyên môn, đem thực tế và những kinh nghiệm học được từ các dự án về truyền đạt lại cho các thế hệ sinh viên.

Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên có đủ sức khỏe để giảng dạy, NCKH và hướng dẫn sinh viên NCKH, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ.

- Ứng viên có lý lịch bản thân rõ ràng và có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với chủ trương, đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành và của Nhà trường;

- Ứng viên luôn giữ đúng phẩm chất, tư cách, đạo đức và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của nhà giáo và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

- Ứng viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo chính quy bài bản, đúng chuyên ngành từ trình độ đại học, trình độ thạc sĩ đến trình độ tiến sĩ;

- Ứng viên có kinh nghiệm và kiến thức thực tế thông qua việc tham gia thiết kế, thi công và thẩm tra các dự án trọng điểm của ngành Giao thông vận tải;

- Về công tác giảng dạy: Ứng viên luôn tự cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, liên tục cập nhật kiến thức khoa học cũng như các kiến thức, kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn sản xuất để có thể truyền đạt kiến thức tốt nhất cho sinh viên và học viên cao học. Ứng viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giảng dạy. Ứng viên luôn coi người học là trung tâm, luôn coi trọng, khích lệ và khơi dậy tinh thần tự học và sự sáng tạo của sinh viên và học viên cao học, gắn liền lý thuyết và thực tế. Từ đó, góp phần đào tạo các thế hệ sinh viên và học viên cao học không những giỏi về chuyên môn, có đạo đức tốt mà còn có khả năng thích ứng cao với công việc ngay sau khi ra trường.

- Về công tác NCKH: Ứng viên đã thực hiện với vai trò chủ nhiệm các đề tài và tham gia các đề tài KHCN cấp cơ sở mang tính ứng dụng cao, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm giảm ùn tắc, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông đường bộ. Ứng viên cũng tích cực tham gia hội nghị, hội thảo khoa học các cấp trong nước và quốc tế để công bố các công trình khoa học, mở rộng mối liên kết với các nhà khoa học khác, để tìm những ý tưởng mới cho các đề tài KHCN và đề tài cho NCKH sinh viên, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ.... Bên cạnh đó, ứng viên thường xuyên tham gia hội đồng phản biện, nghiệm thu đề tài, đánh giá luận văn ThS, luận án TS, phản biện các tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn của ngành Giao thông vận tải và phản biện các bài báo khoa học trong và ngoài trường. Ứng viên hiện là thành viên Hội đồng Khoa học Quốc tế của Hiệp hội Nghiên cứu Giao thông Vận tải Đông Á ([Eastern Asia Society for Transportation Studies](#)) và Thành viên tiểu ban chuyên môn: Hạ tầng và tổ chức giao thông thuộc diễn đàn An toàn giao thông Việt Nam. Ứng viên cũng tham gia tổ chức hội thảo quốc tế về phát triển bền vững trong xây dựng lần thứ 4 năm [ICSCE 2022](#) với vai trò thư ký.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm.

- Kết quả đào tạo 06 năm học và 03 năm học cuối liên tục:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	-	-	4	19	397	45	442/1301/270
2	2018-2019	-	-	2	26	132	90	222/1064/270
3	2019-2020	-	1	4	11	183	45	228/828/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021	-	1	-	17	214	-	214/708/270
5	2021-2022	-	-	1	14	195	90	285/748/270
6	2022-2023	-	-	1	14	144	23	167/545/250

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại Nhật Bản năm 2014 bằng tiếng Anh (link luận án TS: [A STUDY ON MERGING BEHAVIOR AT URBAN EXPRESSWAY MERGING SECTIONS](#))

b) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (Các lớp chất lượng cao Kinh tế xây dựng Việt – Anh, Cầu Đường Việt - Anh, chương trình tiên tiến).

- Nơi giảng dạy: Khoa đào tạo Quốc tế, trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

3.2. Tiếng Anh: chứng chỉ tiếng Anh trình độ C, chứng chỉ TOEFL ITP.

4. Hướng dẫn HVCH:

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đỗ Hải Đăng		x	x		07/10/2016 - 07/03/2017	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C000740 cấp ngày 17/06/2019
2	Đỗ Sinh Nhật		x	x		04/05/2017 - 04/11/2017	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số A185361 cấp ngày 26/01/2018
3	Nguyễn Duy Hưng		x	x		04/05/2017 - 04/11/2017	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số A193800 cấp ngày 24/04/2018
4	Hà Đức Chính		x	x		08/11/2017 - 08/05/2018	Trường Đại học GTVT	QĐ cấp bằng số 1821/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/9/2018
5	Nguyễn Công Trường		x	x		10/05/2018 - 10/11/2018	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C001307 cấp ngày 28/10/2020
6	Hoàng Thế Sơn		x	x		10/05/2018 - 10/11/2018	Trường Đại học GTVT	QĐ cấp bằng số 1778/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/10/2020
7	Nguyễn Thái Ly		x	x		08/10/2018 - 08/04/2019	Trường Đại học GTVT	QĐ cấp bằng số 2555/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/12/2019

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
8	Nguyễn Công Hùng		x	x		29/10/2019 - 29/04/2020	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C001341 cấp ngày 28/10/2020
9	Hoàng Trọng Bình		x	x		29/10/2019 - 29/04/2020	Trường Đại học GTVT	QĐ cấp bằng số 1778/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/10/2020
10	Nguyễn Tiến Đạt		x	x		11/05/2020 - 11/11/2020	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C002361 cấp ngày 28/02/2023
11	Đào Ngọc Hà		x	x		26/11/2021 - 26/05/2022	Trường Đại học GTVT	QĐ cấp bằng số 388/QĐ-ĐHGTVT ngày 28/02/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu giải pháp đỡ và đi nhằm giảm ùn tắc, ô nhiễm và tai nạn giao thông ở thành phố Hồ Chí Minh	CN	Mã số T2018-CT-053 Cấp cơ sở	1/2018 - 12/2018	Nghiệm thu ngày 7/12/2018 Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu phân tích tình hình mất an toàn giao thông do vi phạm vượt đèn đỏ tại vị trí nút giao có đèn tín hiệu trong phạm vi nội thành Hà Nội và giải pháp để giảm thiểu vi phạm	CN	Mã số T2019-CT-06TD Cấp cơ sở (trọng điểm)	1/2019 – 12/2021	Nghiệm thu ngày 9/12/2021 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (05 bài báo)							
<i>I.1</i>	<i>Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (01 bài báo)</i>							
1	Một số kinh nghiệm để nâng cao chất lượng thiết kế nút giao thông đèn tín hiệu trong các đô thị Việt nam	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 10, 48-49	Tháng 10, 2009
<i>I.2</i>	<i>Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (04 bài báo)</i>							
2	Quantifying Effects of Acceleration Lane Lengths and Traffic Conditions on Merging Maneuvers at Urban Expressway Entrances	4	x	Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN 1881-1132			Vol. 9	Tháng 11, 2013
http://easts.info/on-line/proceedings/vol9/PDF/P333.pdf								
3	Modeling gap choice at urban expressway merging sections	3	x	Journal of Japan Society of Civil Engineers Part D3 Online ISSN: 2185-6540		8	Vol. 69, issue 5, I_881 - I_892.	Tháng 12, 2013
https://doi.org/10.2208/jscejpm.69.I_881								
4	Modeling speed adjustment behavior of merging vehicles at urban expressway merging sections	3	x	Procedia - Social and Behavioral Sciences ISSN 1877 - 0428	Scopus (2009-2012)	9	Vol. 138, 116-126.	Tháng 9, 2014
Link bài báo: https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.07.187 Link kiểm tra bài trên scopus: Scopus sources								
5	An analysis of merging maneuvers at urban expressway merging sections	3	x	Procedia - Social and Behavioral Sciences ISSN 1877 - 0428	Scopus (2009-2012)	10	Vol. 138, 105-115.	Tháng 9, 2014
Link bài báo: https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.07.186 Link kiểm tra bài trên scopus: Scopus sources								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận TS (29 bài báo)							
<i>II.1</i>	<i>Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (17 bài báo)</i>							
6	Commuting mode choices in developing countries: An evidence from Ho Chi Minh City	1	x	The Transport Journal (ICSCE 2016) ISSN 2354 – 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 107-111	Tháng 11, 2016
7	Estimation of vehicle kilometer traveled for CO ₂ emission analysis	1	x	The Transport Journal (ICSCE 2016), ISSN 2354 - 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 112-115	Tháng 11, 2016
8	Ứng dụng chỉ tiêu thời gian đến va chạm – time to collision (TTC) để đánh giá an toàn giao thông trên các vị trí nhập làn của đường cao tốc đô thị	1	x	Tạp chí giao thông vận tải (Hội nghị an toàn giao thông Việt nam, 2016) ISSN 2354 - 0818			Số đặc biệt, 87-92	Tháng 12, 2016
9	Ứng dụng mô hình thứ bậc probit hai biên (bivariate ordered probit) trong nghiên cứu về giải pháp giao thông cho người già ở Nhật Bản – và tính khả thi khi áp dụng ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 3, 93-96	Tháng 3, 2018
10	Giải pháp đỗ và đi (park and ride) cho giao thông đô thị ở thành phố Hồ Chí Minh	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 10, 98-101	Tháng 10, 2018
11	Solutions to reduce traffic congestion and CO ₂ emission in Ho Chi Minh City	2	x	The Transport Journal (ICSCE, 2018) ISSN 2354 - 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 204-209	Tháng 11, 2018
12	Vượt đèn đỏ ở thành phố Hà Nội - nghiên cứu nguyên nhân và giải pháp khắc phục	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải (Hội nghị an toàn giao thông Việt nam, 2019) ISSN 2354 - 0818			Số đặc biệt, 90 - 94	Tháng 11, 2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13	A proposal of methodology to analyze platoon dispersion at signalized crosswalk considering pedestrian demand and crosswalk length	1	x	Transport and Communications Science Journal, ISSN 1859 – 2724 (Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải - tiếng Anh)	ACI (10/2021)		Vol. 71, issue 1, 1-10	Tháng 1, 2020
https://doi.org/10.25073/tcsj.71.1.1								
14	Nghiên cứu đề xuất giải pháp thiết kế chỗ quay đầu theo tiêu chuẩn AASHTO	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 9, 24-29	Tháng 9, 2020
Tapchi-GTVT-thang-9-2020.pdf								
15	Đánh giá ảnh hưởng của phụ gia nylon phế thải đến mô đun đàn hồi của bê tông nhựa	4	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859 - 2724	ACI (10/2021)		Số 71, tập 8, 973-983	Tháng 10, 2020
https://doi.org/10.47869/tcsj.71.8.8								
16	Nghiên cứu mối tương quan thực nghiệm giữa cường độ chịu kéo khi uốn và mô đun đàn hồi của bê tông xi măng làm mặt đường	3		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859 - 2724	ACI (10/2021)		Số 72, tập 2, 158-165	Tháng 2, 2021
https://doi.org/10.47869/tcsj.72.2.2								
17	Nghiên cứu mức dòng bão hòa và hệ số điều chỉnh mức dòng bão hòa tại nút giao thông điều khiển bằng tín hiệu trong điều kiện dòng xe hỗn hợp	3		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 4, 105-108	Tháng 4, 2021
Tapchi-GTVT-thang-4-2021.pdf								
18	Nghiên cứu thời gian chờ trung bình tại nút giao thông điều khiển bằng tín hiệu trong điều kiện dòng xe hỗn hợp	3		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 5, 81-85	Tháng 5, 2021
Tapchi-GTVT-thang-5-2021.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	Exploring factors associated with red-light running: a case study of Hanoi city	1	x	Transport and Communications Science Journal ISSN 1859 – 2724 (Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải - tiếng Anh)	ACI (10/2021)	1	Vol. 72, Issue 7, 800-810	Tháng 9, 2021
https://doi.org/10.47869/tcsj.72.7.3								
20	Nghiên cứu thời gian chu kỳ đèn tối ưu dựa trên thời gian chờ trung bình của HCM 2016 tại nút giao thông tổ chức bằng đèn tín hiệu trong điều kiện dòng xe hỗn hợp có xét đến yếu tố thực nghiệm	3		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 3, 88-92	Tháng 3, 2022
Tapchi-GTVT-thang-3-2022.pdf								
21	Một số vấn đề trong thiết kế quay đầu xe tại nút giao thông cùng mức trên địa bàn TP. Hà Nội	3		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 7, 79-84	Tháng 7, 2022
Tapchi-GTVT-thang-7-2022.pdf								
22	Nghiên cứu tình trạng vượt đèn đỏ của lứa tuổi thanh thiếu niên thông qua phương trình hồi quy nhị phân Binary Logistic	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354 - 0818			Số 6, 27-30	Tháng 6, 2023
Tapchi-GTVT-thang-6-2023.pdf								
II.2 <i>Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (12 bài báo)</i>								
23	Gap acceptance on urban expressway merging sections: An application of Inverse Time to Collision	3	x	Transportation Research Board 94 th Annual Meeting		5	94, No. 15-0374 (CD-ROM)	Tháng 1, 2015
https://trid.trb.org/view/1336617								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24	Analysis on characteristics of passenger car and motorcycle fleets and their driving conditions in developing country: a case study in Ho Chi Minh City, Vietnam	4	x	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L : 1341-8521		16	Vol. 11, 890-905	Tháng 12, 2015
https://doi.org/10.11175/easts.11.890								
25	Discrete Choice Models for Gap Acceptance at Urban Expressway Merging Sections with Consideration of Safety, Road Geometry and Traffic Conditions	3	x	Journal of Transportation Engineering, Part A: System ISSN:2473-2907, E-ISSN:2473-2893	SCIE/Scopus (4-year IF: 2.176, Q2) H-index: 21	10	Vol. 143, issue 7	Tháng 7, 2017
<p>Link bài báo: https://ascelibrary.org/doi/10.1061/JTEPBS.0000053</p> <p>Link kiểm tra bài báo thuộc tạp chí uy tín:</p> <p>SCIE: Web of science</p> <p>Scopus: Scopus Sources</p> <p>H-index: Scimago Journal Rank (H-index = 21, Q2)</p> <p>IF: Impact factor (scijournal.com) (4-year IF = 2.176)</p>								
26	Understanding Public Responses Towards Park-and-Ride in Conjunction with Transportation-Eco-Point: A Latent Class Modeling Approach	4	x	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies, Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L : 1341-8521			Vol. 12, 505-521	Tháng 12, 2017
https://doi.org/10.11175/easts.12.505								
27	Exploring Mode and Brand Choices in Motorcycle Dependent Cities for Policy Analysis Related to Emission Reduction	4	x	Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies, Online ISSN 1881-1132			Vol. 11	Tháng 12, 2017
https://www.easts.info/on-line/proceedings/vol.11/pdf/PP1938_H1.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Incorporating Covariance Heterogeneity into Two-level Nested Logit: An Application to a Cooperative Ride System for Elderly People in Rural Areas of Aging Population, Japan	5	x	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies, Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L : 1341-8521			Vol. 13, 698 - 715	Tháng 12, 2019
https://doi.org/10.11175/easts.13.698								
29	Investigating Signal Violations in Mixed Traffic in Hanoi City	3		Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN 1881-1132		1	Vol. 19	Tháng 11, 2019
http://www.easts.info/on-line/proceedings/vol.12/pdf/PP2454.pdf								
30	An analysis of gap acceptance on urban expressway merging sections	1	x	The 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering, ICSCCE 2020 ISBN: 978-604-76-2284-9			Page 208-214	Tháng 11, 2020
31	A study on red-light running in Hanoi	2	x	The 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering, ICSCCE 2020 ISBN: 978-604-76-2284-9			Page 195-201	Tháng 11, 2020
32	Gap Acceptance at U-turn Median Openings – A Case Study in Hanoi, Vietnam	2	x	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies, Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L : 1341-8521			Vol. 14, 1814-1823	Tháng 12, 2021
https://doi.org/10.11175/easts.14.1814								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Examining unobserved factors associated with red light running in Vietnam: A latent class model analysis	5	x	Transportation Safety and Environment EISSN 2631-4428	ESCI / Scopus Q2 H-index: 12		Vol. 4, issue 1, tdac006	Tháng 4, 2022
Link bài báo: https://doi.org/10.1093/tse/tdac006 Link kiểm tra bài thuộc tạp chí uy tín: ESCI: Web of science Scopus: Scopus Sources H-index: Scimago Journal Rank (H-index = 12, Q2)								
34	Determining factors affecting road users' acceptability level of waiting time at signalized intersections	1	x	Journal of Materials and Engineering Structures ISSN 2170-127X	ESCI		Vol. 9, issue 4, 455-460	Tháng 2, 2023
Link bài báo: http://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3275 (hoặc https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3275) Link kiểm tra bài thuộc tạp chí uy tín: ESCI: Web of science								

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **03** bài, trong đó có **01** bài thuộc danh mục SCIE/Scopus: 4-year IF: 2.176, Q2, H-index: 21 (bài báo số [25]), **01** bài thuộc danh mục ESCI/Scopus, Q2, H-index: 12 (bài báo số [33]), 01 bài thuộc danh mục ESCI (bài báo số [34]).

7.2. *Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích*: Ứng viên không có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

7.3. *Giải thưởng quốc gia, quốc tế*: Ứng viên không có giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo:

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao cho lớp Cầu - Đường bộ Việt - Anh, Cầu - Đường bộ Việt - Pháp theo Nghị định 99/2019 NĐ-CP	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 1271/QĐ-ĐHGTVT ngày 28 tháng 06 năm 2021	Trường ĐH GTVT	Quyết định số 1928/QĐ-ĐHGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

- Đối chiếu theo các quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để đăng ký xét công nhận chức danh Phó giáo sư. Vì vậy, ứng viên không đề xuất các công trình khoa học thay thế cho các tiêu chuẩn không đủ so với quy định.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Chu Tiến Dũng